

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-ST

Ngày: 27/8/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Quang Sơn và ông Phạm Hữu Ái
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân – Bình Thuận.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 03 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-DS ngày 13/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thanh B, sinh năm: 1973 (có mặt)

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị C, sinh năm: 1961 (có mặt)

Trú tại: Khu phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1973 (có mặt)

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Ông Vũ Thái D, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Trú tại: Khu phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Thanh B trình bày:

Ngày 22/11/2011 bà Trần Thị C có vay của bà số tiền là 50.000.000đồng. Khi vay thì hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Nhưng từ khi vay thì bà C chỉ trả được một tháng tiền lãi và từ đó bà C không trả tiền lãi cho bà nhưng vì chỗ làm ăn chung với nhau nên bà C nói là từ từ bà sẽ trả sau. Từ khi bà C không còn làm ăn chung với bà nữa thì bà đã nhiều lần yêu cầu bà C thanh toán nhưng bà C cứ hẹn hết lần này đến lần khác nhưng cũng không thanh toán tiền gốc và lãi cho bà. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà C, ông D phải thanh toán cho bà số tiền gốc là 50.000.000đồng và 20.000.000đồng tiền lãi. Tại phiên tòa, bà Phan Thị Thanh B chỉ yêu cầu bà C và ông D phải thanh toán tiền gốc là 50.000.000đồng và không yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị C trình bày: Ngày 22/11/2011 bà có vay của bà B số tiền là 50.000.000đồng. Số tiền này thực chất là tiền bà ứng trước để bán đường cát cho bà B. Sau đó chồng bà B là ông C đã xuống bốc đường và lúc đó bà B đã gọi điện cho bà là để cho ông C bốc đường rồi hai người tính toán với nhau. Đến mấy ngày sau, bà có gọi cho bà B để đến nhà lấy tiền thì bà B nói là cần trừ vào số tiền đường nên bà đã cộng lại tiền đường mà ông C đã bốc (bà không nhớ cụ thể là bao nhiêu) nhưng sau khi trừ đi thì bà còn thiếu bà B mấy triệu, sau đó vợ chồng bà B đã đến nhà thì bà đã thanh toán hai lần với số tiền là 7.000.000đồng nên giữa bà và bà B không còn nợ gì nhau nữa. Khi bà B bốc đường thì bà có ghi vào sổ nhưng hiện nay sổ ghi chép không còn và bà không có chứng cứ gì khác nhưng bà khẳng định bà đã thanh toán xong số tiền 50.000.000đồng cho bà B.

Ông Huỳnh Văn C thống nhất với lời trình bày của bà B và cho rằng việc mua bán đường giữa vợ chồng anh và bà C đều được thực hiện dứt điểm từng lần, mặc dù cũng có lần bà C ứng tiền trước nhưng sau đó thì đến bốc đường, số đường tương ứng với số tiền đã ứng và đều ghi vào sổ của bà C. Đối với số tiền 50.000.000đồng thì bà C vay nên mới viết giấy riêng. Nay vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng bà C thanh toán số tiền gốc là 50.000.000đồng không yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Ông Vũ Thái D đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã tuân theo đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Thái D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa thấy rằng tại giấy vay tiền thể hiện, ngày 22/11/2011 bà C có vay của bà B số tiền 50.000.000đồng. Mặc dù theo lời trình bày của bà C thì số tiền này là tiền ứng trước để bán đường cát cho bà B và đã thanh toán xong nhưng bà C không có chứng cứ gì để chứng minh. Vì vậy, yêu cầu của bà B là có cơ sở.

Đối với yêu cầu về lãi suất thì trong quá trình giải quyết vụ án, bà B yêu cầu bà C, ông D phải trả 20.000.000đồng tiền lãi nhưng tại phiên tòa, bà B, ông C không yêu cầu tiền lãi nên không đề nghị xem xét.

Đối với việc yêu cầu buộc bà C và ông D phải có trách nhiệm trả nợ chung thấy rằng, tại giấy vay tiền thì một mình bà C ký, không có chữ ký của ông D, tuy nhiên theo lời trình bày của bà C thì mục đích vay là để phục vụ cho việc kinh doanh, buôn bán (cụ thể là mua bán đường cát) và phục vụ gia đình, hơn nữa tại thời điểm vay tiền thì bà C và ông D đang là vợ chồng nên phải có trách nhiệm chung đối với các quan hệ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Nay bà B, ông C yêu cầu bà C, ông D thanh toán số tiền 50.000.000đồng tiền gốc là có cơ sở, đề nghị HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị C và ông Vũ Thái D phải thanh toán cho bà Phan Thị Thanh B và ông Huỳnh Văn C số tiền gốc là 50.000.000đồng. Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án: HĐXX thấy rằng đây là tranh chấp hợp vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Vũ Thái D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì bà C có vay của nguyên đơn số tiền là 50.000.000đồng, nhưng khi vợ chồng bà yêu cầu bà C thanh toán số tiền trên thì bà C không thanh toán, nay bà yêu cầu bà C, ông D thanh toán số tiền gốc là 50.000.000đồng và 20.000.000đồng tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C cũng đã thừa nhận bà có vay của bà B số tiền là 500.000.000đồng nhưng bà cho rằng bà B đã cầm trừ vào số tiền mua đường cát của bà và còn lại 7.000.000đồng bà đã thanh toán xong.

Tại giấy mượn tiền ngày 22/11/2011 thể hiện bà C có vay của bà B số tiền là 50.000.000đ, điều này đã được bà C thừa nhận nên đây là chứng cứ hợp pháp và là căn cứ để xác định việc vay mượn tiền của các bên.

Theo bị đơn trình bày thì đã thanh toán xong toàn bộ số tiền cho nguyên đơn, việc thanh toán này được ghi vào sổ của bị đơn nhưng hiện nay sổ ghi chép này không còn và bị đơn không đưa ra được chứng cứ gì khác để chứng minh cho việc thanh toán của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[2]. Đối với yêu cầu về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B, ông C yêu cầu bà C, ông D phải trả 20.000.000đồng tiền lãi nhưng tại phiên tòa, bà B, ông C không yêu cầu về tiền lãi. Việc rút yêu cầu về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm của luật nên cần chấp nhận, do vậy HĐXX không xem xét về lãi suất.

[2]. Đối với việc yêu cầu bà C và ông D phải có trách nhiệm chung trong việc thanh toán nợ: HĐXX thấy rằng, tại giấy vay tiền thì chỉ một mình bà C ký nhưng theo lời trình bày của bà C thì mục đích vay là để làm ăn (buôn bán đường cát) phục vụ gia đình, hơn nữa tại thời điểm vay tiền thì bà C và ông D đang là vợ chồng nên phải có trách nhiệm chung đối với các quan hệ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho ông D nhưng ông D không có mặt để đưa ra các tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc ông D vắng mặt là từ bỏ quyền tham gia tố tụng và chứng minh, do đó lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân là có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 BLTTDS; Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh B.

Buộc bà Trần Thị C và ông Vũ Thái D phải thanh toán cho bà Phan Thị Thanh B và ông Huỳnh Văn C số tiền gốc là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị C và ông Vũ Thái D phải chịu 2.500.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Phan Thị Thanh B 1.750.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024690 ngày 07/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

4/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

5/ Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- THA dân sự huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Dũng